

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG "THẤP SÁNG NIỀM TIN" NĂM 2019

TT	HỌ VÀ TÊN	NƠI HỌC	TRƯỜNG ĐH	SỐ TIỀN TÀI TRỢ (VNĐ)	Thời gian & Chứng từ CK
A	B	C	D	E	F
	Học kỳ II năm học 2018 -2019				
1	Nguyễn Thu Thủy	Hà Nội	Đại học Kinh tế Quốc dân	6,000,000	PVCB số 06 ngày 22/02/2019
	Tổng cộng			6,000,000	
	Học kỳ II năm học 2018 - 2019 (đợt 01)				
1	Trần Thị Yên	Hải Phòng	ĐH Y Hải Phòng	6,500,000	PVCB số 13 ngày 13/03/2019
2	Hoàng Bá Hùng	Huế	ĐH Y Dược Huế	3,000,000	
3	Lâm Văn Tâm	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
4	Lê Công Đoàn	Huế	ĐH Y Dược Huế	5,850,000	
5	Lương Thị Thúy	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
6	Nguyễn Thị Hương Giao	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
7	Nguyễn Thị Thu Nữ	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
8	Phan Thị Thu Thảo	Đà Nẵng	ĐH Bách Khoa Đà Nẵng	4,010,000	
9	Trương Văn Kiên	Đà Nẵng	ĐH Bách Khoa Đà Nẵng	4,010,000	
10	Đoàn Thị Vân Khánh	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
11	Văn Thị Hằng Mơ	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
12	Nguyễn Ngọc Lương Thuận	Cần thơ	ĐH Cần Thơ	2,944,000	
13	Phạm Thị Mỹ Ngọc	Cần thơ	ĐH Cần Thơ	5,060,000	
14	Lộc Lý Linh	Cần thơ	ĐH Cần Thơ	3,000,000	
15	Trần Ý Thương	Cần thơ	ĐH Y Dược Cần Thơ	6,500,000	
16	Nguyễn Văn Hà	Đà Nẵng	ĐH Bách khoa Đà Nẵng	5,664,600	
17	Võ Nhật Thiện	Đà Nẵng	ĐH Bách khoa Đà Nẵng	6,117,000	
18	Bùi Văn Thịnh	Đà Nẵng	ĐH Đà Nẵng - ĐH Kiến trúc	6,500,000	
19	Lưu Thị Lệ	Đà Nẵng	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	6,500,000	
20	Quảng Thị Thương	Hà Nội	ĐH Công Đoàn	2,400,000	
21	Nguyễn Thị Minh Thanh	Huế	ĐH Nông Lâm Huế	3,600,000	
22	Nguyễn Thị Hoài Nam	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,400,000	
23	Nguyễn Văn An	Huế	ĐH Y Dược Huế	5,760,000	
24	Triệu Mùi Khé	Thái Nguyên	ĐH Thái Nguyên - ĐH Công nghệ thông tin và Truyền thông	3,000,000	
25	Võ Thị Phước	Đà Nẵng	ĐH Sư phạm Đà Nẵng (hệ cử nhân)	1,496,000	
26	Lê Nhật Minh	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	6,300,000	
27	Nguyễn Văn Lợi	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	6,500,000	
28	Phạm Ngọc Minh Trí	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	6,500,000	
29	Phạm Văn Tuấn	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	6,330,000	
30	Võ Thị Mộng Thi	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	5,535,000	
31	Đoàn Thị Năm	Đà Nẵng	ĐH Bách khoa Đà Nẵng	5,860,000	
32	Hồ Thị Thúy Mai	Đà Nẵng	ĐH Bách khoa Đà Nẵng	6,500,000	
33	Trương Hùng Anh	Đà Nẵng	ĐH Bách khoa Đà Nẵng	1,500,000	
34	Hoàng Thị Hằng	Đà Nẵng	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	5,084,000	
35	Võ Thị Diên	Đà Nẵng	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	6,056,000	
36	Nguyễn Thị Ánh	Đà Nẵng	ĐH Kỹ Thuật Y Dược Đà Nẵng	6,500,000	
37	Lưu Thị Sương	Đà Nẵng	ĐH Sư phạm Đà Nẵng	3,000,000	
38	Nguyễn Thị Tien	Huế	ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế	5,935,000	
39	Cao Thị Huế	Huế	ĐH Y Dược Huế	5,850,000	
40	Hồ Nhật Linh	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
41	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
42	Nguyễn Thị Trúc Ly	An Giang	ĐH An Giang (SP)	3,000,000	
43	Phạm Văn Lực	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	6,065,000	
44	Trương Thị Bảo Ngọc	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	6,330,000	
45	Trần Thế Vinh	Cần Thơ	ĐH Y Dược Cần Thơ	5,850,000	
46	Võ Thị Thanh Thư	Cần Thơ	ĐH Y dược Cần Thơ	6,500,000	
47	Đoàn Thị Ánh Hồng	Đà Nẵng	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	6,500,000	
48	Hoàng Nguyễn Thục Linh	Đà Nẵng	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	6,500,000	

TT	HỌ VÀ TÊN	NƠI HỌC	TRƯỜNG ĐH	SỐ TIỀN TÀI TRỢ (VNĐ)	Thời gian & Chứng từ CK
A	B	C	D	E	F
49	Trần Thị Phúc	Đà Nẵng	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	6,500,000	
50	Lê Thị Kim Hạnh	Đà Nẵng	ĐH Kỹ thuật Y Dược Đà Nẵng	6,500,000	
51	Chu Thị Kim Soan	Hà Nội	HV Ngân hàng	5,140,000	
52	Nguyễn Văn Hoat	Hà Nội	HV Ngân hàng	5,669,600	
53	Trần Thị Mai Phương	Hà Nội	HV Ngân hàng	5,545,000	
54	Lê Thị Mỹ Duyên	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
55	Trương Thị Hằng	Huế	ĐH Y Dược Huế	3,000,000	
56	Nguyễn Trần Thủy Vi	An Giang	ĐH An Giang	3,000,000	
57	Phan Tuyết Cương	An Giang	ĐH An Giang	3,000,000	
58	Thái Loan Huệ Huyền	An Giang	ĐH An Giang	2,400,000	
59	Đỗ Hồng Xuân	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	6,335,000	
60	Trần Thị Anh Thư	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	5,593,000	
61	Hồ Sỹ Hoài	Đà Nẵng	ĐH Bách Khoa Đà Nẵng	6,265,000	
62	Dương Văn Giáp	Hà Nội	ĐHQG HN - ĐH KHXH&NV	1,800,000	
63	Nông Thị Hữu	Hà Nội	ĐHQG HN - ĐH KHXH&NV	3,000,000	
	Tổng cộng			328,754,200	
	Học kỳ II năm học 2018 - 2019 (đợt 02)				
1	Sùng Seo Xướng	Thái Nguyên	ĐH Y Dược Thái Nguyên	6,500,000	PVCB số 14 ngày 15/03/2019
2	Thạch Thị Sa Ri	Cần thơ	ĐH Cần Thơ	4,925,000	
3	Nguyễn Thị Thanh Nga	Hà Nội	ĐH Dược Hà Nội	5,850,000	
4	Trần Thị Dung	Hà Nội	ĐH Dược Hà Nội	6,500,000	
5	Mai A	Hà Tĩnh	Đại học Ngoại Thương	6,499,000	
6	Đỗ Thu Huyền	Thái Nguyên	ĐH Thái Nguyên - ĐH Y Dược	6,500,000	
7	Nô Sa	An Giang	ĐH An Giang (SP)	3,000,000	
8	Neáng Ngọc Sang	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	3,000,000	
9	Nguyễn Thị Thắm	Hà Nội	ĐH Bách khoa Hà Nội	6,500,000	
10	Nguyễn Tuấn Anh	Hà Nội	ĐH Bách khoa Hà Nội	6,500,000	
11	Nguyễn Thị Lụa	Hà Nội	ĐH Kinh tế Quốc dân	6,500,000	
12	Trần Thị Phượng	Hà Nội	ĐH Văn hóa Hà Nội	5,210,000	
13	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Hà Nội	ĐH Y Hà Nội	6,500,000	
14	Lê Thị Hồng	Hà Nội	HV Nông nghiệp Việt Nam	3,000,000	
15	Phạm Thị Thúy Hằng	Kon Tum	ĐH Đà Nẵng - Phân hiệu tại Kon Tum	6,500,000	
16	Đặng Bá Dũng	Hà Nội	ĐH Bách khoa Hà Nội	6,500,000	
17	Lê Thị Ngọc Ánh	Hà Nội	ĐH Dược Hà Nội	4,550,000	
18	Nguyễn Thị Huyền	Hà Nội	ĐH Dược Hà Nội	4,550,000	
19	Trần Văn Trọng	Hà Nội	ĐH Kinh tế Quốc dân	3,000,000	
20	Nguyễn Thị Nguyên	Nam Định	ĐH Điều dưỡng Nam Định	5,265,000	
21	Phạm Thị Ngọc Ánh	Thái nguyên	ĐH Y Dược Thái Nguyên	6,273,000	
22	Nguyễn Thị Mai Liên	Hà Nội	ĐH Kinh tế Quốc dân	6,500,000	
23	Phạm Thị Lan	Hà Nội	ĐH Kinh tế Quốc dân	6,500,000	
24	Vũ Thị Ánh Ngọc	Hà Nội	ĐH Kinh tế Quốc dân	6,500,000	
25	Võ Thị Thùy Linh	Hà Nội	ĐH Ngoại Thương	6,500,000	
26	Lã Thị Thu Hà	Hà Nội	ĐH Y Hà Nội	6,500,000	
27	Lê Thùy Dương	Thái Nguyên	ĐH Y Dược Thái Nguyên	6,773,709	
	Tổng cộng			152,895,709	
	Học kỳ II năm học 2018 - 2019 (đợt 03)				
1	Lê Thị Đức Quỳnh	Hà Nội	ĐH Y Hà Nội	6,500,000	PVCB số 15 ngày 19/03/2019
2	Nguyễn Xuân Thân	Vinh	ĐH Y Khoa Vinh	6,500,000	
3	Nguyễn Doãn Bích	Nghệ An	ĐH Vinh	6,250,000	
4	Đỗ Thị Thùy Linh	Hà Nội	HV Tài Chính	2,448,000	
5	Lê Phạm Thị Nga	Hà Nội	HV Tài Chính	3,060,000	
6	Lê Thị Linh Tâm	Hà Nội	HV Tài Chính	3,060,000	
7	Nguyễn Thị Hương	Vinh	ĐH Vinh	6,000,000	
8	Phan Thị Hường	Phú Thọ	ĐH Hùng Vương (SP toán)	3,000,000	
9	Nguyễn Thị Thắm	Hà Nội	HV Tài chính	5,420,000	
10	Nùng Thị Vượng	Thái Nguyên	ĐH Sư phạm Thái Nguyên	3,000,000	
11	Bùi Thị Cúc	Hà Nội	ĐHQG HN - ĐH KHXH&NV	3,000,000	
12	Bùi Thị Tú	Hà Nội	HV Tài chính	4,882,400	
13	Lê Thị Nhung	Hà Nội	HV Tài chính	4,882,400	

TT	HỌ VÀ TÊN	NƠI HỌC	TRƯỜNG ĐH	SỐ TIỀN TÀI TRỢ (VNĐ)	Thời gian & Chứng từ CK
A	B	C	D	E	F
14	Nguyễn Thị Lan Anh	Hà Nội	HV Tài chính	6,103,000	
15	Nguyễn Thị Nguyệt	Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức	3,632,000	
16	Huỳnh Thị Anh Thư	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	5,064,000	
17	Phan Lê Khánh Huyền	Hà Nội	HV Tài Chính	6,607,000	
	Tổng cộng			79,408,800	
	Học kỳ II năm học 2018 -2019				
1	Ngô Vũ Như Hiền	Đà Nẵng	ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng	4,000,000	PVCB số 15 ngày 19/03/2019
	Tổng cộng			4,000,000	
	Học kỳ II năm học 2018 - 2019 (đợt 04)				
1	Trần Thị Hương	Hà Nội	ĐH Luật Hà Nội	3,000,000	PVCB số 16 ngày 21/03/2019
2	Nguyễn Thị Oanh	Hà Nội	ĐH Y Hà Nội	6,500,000	
3	Đoàn Thị Thơm	Hà Nội	ĐH Y Hà Nội	6,500,000	
4	Lê Thị Huyền	Hà Nội	HV Phụ nữ Việt Nam	5,500,000	
5	Nguyễn Thị Đức Hạnh	Hà Nội	ĐH Bách khoa Hà Nội	6,284,000	
6	Phạm Thế Hoàng	Hà Nội	ĐH Bách khoa Hà Nội	3,000,000	
7	Đỗ Thị Nhài	Hà Nội	ĐH Luật HN	5,800,000	
8	Trương Thị Hằng	Hà Nội	ĐH Thương Mại	6,500,000	
9	Đỗ Văn Phong	Hà Nội	HV Nông nghiệp Việt Nam	6,500,000	
10	Võ Thị Duyên	Quảng Bình	ĐH Quảng Bình (SP)	3,000,000	
11	Lê Thị Thúy	Hà Nội	ĐH Công nghiệp Hà Nội	6,500,000	
12	La Ngọc Kiên	Thái nguyên	ĐH Y Dược Thái Nguyên	4,550,000	
13	Phạm Thị Ngọc Ánh	Hà Nội	ĐHQG HN	6,500,000	
14	Trần Thị Hoài Nhi	Hà Nội	ĐHQG HN	5,100,000	
	Tổng cộng			75,234,000	
	Học kỳ II năm học 2018 -2019				
1	Nguyễn Thị Thu Hà	Hà Nội	ĐH Thương mại	8,000,000	PVCB số 19 ngày 26/03/2019
	Tổng cộng			8,000,000	
	Học kỳ II năm học 2018 - 2019 (đợt 05)				
1	Phạm Thị Tuyết	Thái Nguyên	ĐH Y Dược Thái Nguyên	6,500,000	PVCB số 20 ngày 28/03/2019
2	Trần Hữu Thọ	HCM	ĐH Y Dược TP HCM	4,550,000	
3	Tổng Quang Minh	HCM	ĐHQG HCM - ĐH Khoa học Tự nhiên	5,410,000	
4	Đoàn Thị Hương	Hải Phòng	CĐ Y tế Hải Phòng	3,000,000	
5	Nguyễn Hồng Đào	HCM	ĐH Bách Khoa - ĐHQG HCM	5,850,000	
6	Nguyễn Hữu Vương	HCM	ĐH Công nghiệp TP HCM	6,500,000	
7	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	HCM	ĐH Kinh tế Luật - ĐHQG HCM	3,000,000	
8	Lê Thị Thúy Phượng	HCM	ĐH Luật TP HCM	5,850,000	
9	Nguyễn Hà Diễm Trang	HCM	ĐH Luật TP HCM	5,850,000	
10	Nguyễn Thị Cao Xuyên	HCM	ĐH Luật TP HCM	3,510,000	
11	Phan Khánh Linh	HCM	ĐH Luật TP HCM	5,850,000	
12	Hoàng Thị Hà	HCM	ĐH Sài Gòn	5,774,000	
13	Trịnh Thị Khanh	HCM	ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP HCM	6,270,000	
14	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	HCM	ĐH Sư phạm TP HCM	3,000,000	
15	Huỳnh Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	HCM	ĐH Tài chính - Marketing	5,200,000	
16	A Klürk	Kon Tum	ĐH Đà Nẵng - Phân hiệu tại Kon Tum	5,820,000	
17	Ngô Thị Linh	HCM	ĐH Kinh tế TP HCM	6,500,000	
	Tổng cộng			88,434,000	
	Học kỳ II năm học 2018 - 2019 (đợt 06)				
1	Nguyễn Văn Bình	Đà Nẵng	ĐH Bách Khoa Đà Nẵng	3,146,500	
2	Vũ Thị Hồng	Thái Bình	ĐH Y Thái Bình	6,500,000	
3	Nguyễn Anh Tuấn	Đà Nẵng	ĐH Bách khoa Đà Nẵng	4,549,000	

TT	HỌ VÀ TÊN	NƠI HỌC	TRƯỜNG ĐH	SỐ TIỀN TÀI TRỢ (VNĐ)	Thời gian & Chứng từ CK
A	B	C	D	E	F
4	Lê Thị Ngọc Huyền	Đà Nẵng	ĐH Đà Nẵng - ĐH Ngoại Ngữ	4,842,000	PVCB số 21 ngày 01/04/2019
5	Nguyễn Thị Kiều	Đà Nẵng	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	2,264,000	
6	Hoàng Thị Thu Hằng	Thái Nguyên	ĐH Thái Nguyên - ĐH Sư phạm	3,000,000	
7	Trần Thị Sâm	Đà Nẵng	ĐH Ngoại ngữ Đà Nẵng	4,000,000	
8	Võ Chí Trung	Đà Nẵng	ĐH Bách khoa Đà Nẵng	2,700,000	
9	Bùi Thị Nguyệt	Đà Nẵng	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	6,500,000	
10	Trần Thị Hồng Dịu	Quảng Bình	ĐH Quảng Bình (hệ cao đẳng)	3,000,000	
11	Phan Thị Lệ Phúc	Thái Nguyên	ĐH Y Dược Thái Nguyên	6,274,000	
12	Trần Văn Lương	Đà Nẵng	ĐH Ngoại Ngữ Đà Nẵng	5,720,000	
13	Nguyễn Thị Hương	Thái Bình	ĐH Y Dược Thái Bình	6,500,000	
14	Hoàng Thanh Trúc	Thái Nguyên	ĐH Thái Nguyên	4,580,000	
15	Hoàng Văn Thanh	Thái Nguyên	ĐH Thái Nguyên	2,880,000	
	Tổng cộng			66,455,500	
	Học kỳ II năm học 2018 - 2019 (đợt 07)				
1	Lê Thị Hằng	Hà Nội	ĐH Luật Hà Nội	3,000,000	PVCB số 22 ngày 03/04/2019
2	Nguyễn Thị Huyền My	HCM	ĐH Kinh tế TP HCM	5,200,000	
3	Hồ Thị Quỳnh Nhi	HCM	ĐH Kinh tế TP HCM	6,380,000	
4	Bùi Thị Thoại My	HCM	ĐH KHXH&NV - ĐHQG TP HCM	2,697,600	
5	Trần Thị Tuyết Lan	HCM	ĐH Kinh tế TP HCM	6,500,000	
6	Hồ Thị Mai Hương	HCM	ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP HCM	5,200,000	
7	Lương Ngọc Diệu	HCM	CĐ Kinh tế đối ngoại	2,400,000	
8	Ngô Thị Thanh Bình	HCM	ĐH Kinh tế TP HCM	6,500,000	
9	Hoàng Đình Thiên Đông	HCM	ĐH Giao Thông Vận Tải HCM	6,500,000	
10	Nguyễn Trát Đình Vỹ	HCM	ĐH Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM	6,500,000	
	Tổng cộng			50,877,600	
	Học kỳ II năm học 2018 - 2019 (đợt 08)				
1	Nguyễn Thị Lệ Trang	Huế	ĐH Sư phạm Huế	3,000,000	PVCB số 24 ngày 08/04/2019
2	Đậu Thị Hằng	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
3	Trương Thị Thiết	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
4	Nguyễn Thị Trinh	Huế	ĐH Huế	5,230,000	
5	La Thị Tâm	Huế	ĐH Huế - ĐH Ngoại Ngữ	4,760,000	
6	Ngô Thị Hồng Trinh	Huế	ĐH Huế - ĐH Sư phạm	3,000,000	
7	Bùi Thị Bé	Huế	ĐH Kinh tế Huế	5,770,000	
8	Đặng Thị Hồng Lam	Huế	ĐH Y Dược Huế	5,238,000	
9	Nguyễn Thị Hạnh	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
	Tổng cộng			46,498,000	
	Học kỳ II năm học 2018 - 2019 (theo thỏa)				
1	Nguyễn Hoàng Anh	Hà Nội	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	3,000,000	PVCB số 24 ngày 08/04/2019
2	Bùi Thị Linh	Hà Nội	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	1,000,000	
3	Ma Thị Xoa	Hà Nội	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	1,000,000	
4	Phạm Diệu Linh	Hà Nội	Đại học Kinh tế Quốc dân	2,000,000	
	Tổng cộng			7,000,000	
	Học kỳ II năm học 2018 - 2019 (đợt 09)				
1	Nguyễn Thị Giang	Vinh	ĐH Y Khoa Vinh	6,500,000	
2	Nguyễn Thị Huyền	Hà Nội	ĐH Kinh tế Quốc dân	6,190,000	
3	Bùi Thị Mỹ Phương	HCM	ĐH Kinh tế TP HCM	5,200,000	
4	Nguyễn Thị Hoàng Dung	HCM	ĐH Kinh tế TP HCM	6,500,000	
5	Nguyễn Thị Bích Trà	HCM	ĐH Luật TP HCM	5,850,000	
6	Ngô Thị Thùy Trang	HCM	ĐHQG HCM - ĐH KHXH&NV	5,600,000	

TT	HỌ VÀ TÊN	NƠI HỌC	TRƯỜNG ĐH	SỐ TIỀN TÀI TRỢ (VNĐ)	Thời gian & Chứng từ CK
A	B	C	D	E	F
7	Lê Thanh Ân Phúc	HCM	ĐH Bách Khoa - ĐHQG HCM	4,550,000	PVCB số 27 ngày 18/04/2019
8	Lê Thị Xuân Hiền	HCM	ĐH Kinh tế TP HCM	3,900,000	
9	Quách Thị Linh Chi	HCM	ĐH Luật TP HCM	4,680,000	
10	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	HCM	ĐH Nông lâm TP HCM	5,544,000	
11	Nguyễn Văn Thuận	Hà Nội	ĐH Bách khoa Hà Nội	5,764,000	
12	Sùng Mí Nô	Hà Nội	ĐH Bách khoa Hà Nội	4,550,000	
13	Hoàng Minh Tuấn	Hà Nội	ĐH KHXH&NV - ĐHQG HN	3,000,000	
14	Phản Thị Nga	Hà Nội	HV Quân Y (hệ dân sự)	6,500,000	
15	Trần Thị Mỹ Châu	Quảng Ngãi	ĐH Tài chính Kế toán Quảng Ngãi	5,830,000	
16	Võ Thị Nhất Lan	An Giang	ĐH An Giang	5,800,000	
17	Võ Thị Kim Diệu	HCM	ĐH Bách khoa - ĐHQG HCM	4,550,000	
18	Lê Thị Định	HCM	ĐH Kinh tế TP HCM	6,500,000	
19	Võ Tú Hào	HCM	ĐH Ngân hàng TP HCM	4,436,000	
20	Ngọc Minh Hiếu	HCM	ĐH Ngoại Thương TP HCM	5,200,000	
21	Đặng Lê Ngọc Thảo	HCM	ĐHQG HCM	3,893,400	
22	Hoàng Thị Hương	HCM	ĐHQG HCM - ĐH KHXH&NV	3,249,600	
23	Rcom H'Nghị	HCM	HV Hành chính Quốc gia HCM	2,400,000	
24	Trần Mạnh Cường	Hà Nội	ĐH Dược Hà Nội	1,500,000	
25	Hoàng A Thành	Hà Nội	ĐH Kiểm sát Hà Nội	2,400,000	
26	Dương Quốc Tuấn	Hà Nội	ĐHQG HN - ĐH KHXH&NV	3,000,000	
27	Nguyễn Thị Khuyên	Hà Nội	ĐHQG HN - ĐH KHXH&NV	5,995,000	
28	Hồ Thị Trang	Huế	ĐH Huế - ĐH Luật	5,240,000	
29	Phạm Thị Thu Thảo	HCM	ĐH Bách Khoa TPHCM	6,700,000	
30	Nguyễn Thị Hóa	HCM	ĐH Luật Tp. HCM	6,500,000	
31	Trần Thị Thanh Thương	HCM	ĐH Luật Tp. HCM	6,500,000	
32	Phạm Minh Nhật	HCM	ĐH Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM	5,850,000	
33	Đặng Thị Ngọc Diệu	HCM	ĐH Y Dược TPHCM	5,850,000	
34	Nguyễn Thị Vân Hà	HCM	ĐH Y Dược TPHCM	6,500,000	
35	Võ Ngọc Mãnh	HCM	ĐH Y Dược TPHCM	6,500,000	
36	Trần Ngọc Yến Nhi	HCM	ĐHQG HCM - ĐH Công nghệ Thông tin	5,600,000	
37	Lê Tâm Như	HCM	ĐHQG HCM - ĐH KHXH&NV	4,268,000	
38	Vy Thị My	HCM	ĐHQG HCM - ĐH KHXH&NV	5,858,000	
39	Hoàng Thị Ánh	Hà Nội	ĐH Bách Khoa HN	6,500,000	
40	Hoàng Văn Hùng	Hà Nội	ĐH Công nghiệp Việt-Hung	2,100,000	
41	Lưu Bạch Kim	Hà Nội	ĐHQG HN - ĐH KHXH&NV	5,519,275	
42	Nguyễn Thị Thu	Hà Nội	ĐHQG HN - ĐH KHXH&NV	7,065,000	
43	Phan Thị Nga	Hà Nội	ĐHQG HN - ĐH KHXH&NV	8,081,775	
44	Phùng Thị Yến Hoa	Hà Nội	ĐHQG HN - ĐH KHXH&NV	2,400,000	
45	Trần Thị Ly	Hà Nội	ĐHQG HN - ĐH KHXH&NV	5,500,000	
	Tổng cộng			231,614,050	
	Học kỳ II năm học 2018 - 2019 (đợt 10)				
1	Hoàng Thị Hạnh	Hải Phòng	ĐH Y Hải Phòng	6,500,000	PVCB số 29 ngày 24/04/2019
2	Lê Thị Thảo	Hà Nội	ĐH Bách khoa HN	5,830,000	
3	Lò Thị Lanh	Hà Nội	ĐH Sư Phạm Hà Nội	3,000,000	
4	Lê Thị Hiền	Trà Vinh	ĐH Trà Vinh	6,400,000	
5	Nguyễn Văn Bằng	Hà Nội	ĐH Công nghiệp HN	4,550,000	
6	Bùi Thị Hiền	Hà Nội	ĐH QGHN - ĐH Ngoại Ngữ	2,400,000	
7	Hoàng Thị Khuyên	Hà Nội	HV Hành chính QG	5,050,000	
8	Nguyễn Thị Minh	Hà Nội	ĐHQG Hà Nội	4,264,000	
9	Nguyễn Thị Thúy Nga	Hà Nội	HV Tòa Án	4,040,000	
10	Lê Thị Trang	Hà Nội	ĐHQG HN	5,580,520	
11	Ngô Thị Nhu	Hà Nội	ĐHQG HN	5,580,520	
12	Nguyễn Văn Ninh	Hà Nội	ĐHQG HN	7,252,900	
	Tổng cộng			60,447,940	

TT	HỌ VÀ TÊN	NƠI HỌC	TRƯỜNG ĐH	SỐ TIỀN TÀI TRỢ (VNĐ)	Thời gian & Chứng từ CK
A	B	C	D	E	F
Học kỳ II năm học 2018 - 2019 (đợt 11)					
1	Nguyễn Thị Lệ Nguyên	HCM	ĐHQG HCM - ĐH Khoa học Tự nhiên	5,630,000	PVCB số 31 ngày 10/5/2019
2	Đặng Hồ Kim Ngân	HCM	ĐHQG HCM - ĐH Khoa học Tự nhiên	3,500,000	
3	Nguyễn Thị Tâm	Hà Nội	ĐH QGHN - Khoa Luật	5,050,000	
4	Nguyễn Doãn Tiến Đạt	HCM	ĐHQG HCM	5,200,000	
5	Nguyễn Hoa Mai	HCM	ĐHQG HCM - ĐH KHXH&NV	3,801,600	
6	Lê Thị Huyền	Hà Nội	ĐH Công đoàn	1,978,000	
7	Võ Thị Thủy	Huế	ĐH Huế - ĐH Khoa Du lịch	5,152,000	
8	Nguyễn Thị Nữ	Huế	ĐH Y Dược Huế	3,250,000	
9	Đinh Thị Cúc	Quảng Ninh	ĐH Hạ Long	4,825,000	
10	Ngô Kim Hòa	HCM	ĐH Kinh tế Tp. HCM	6,500,000	
11	Nguyễn Thị Thu Hiền	Huế	ĐH Y Dược Huế	2,677,500	
12	Trần Thị Hiền	Huế	ĐH Y Dược Huế	3,748,500	
Tổng cộng				51,312,600	
Học kỳ II năm học 2018 - 2019 (đợt 12)					
1	Đỗ Thị Trang	HCM	ĐH Y Dược TP HCM	5,850,000	PVCB số 32 ngày 14/5/2019
2	Bùi Văn Cường	Vũng Tàu	ĐH Dầu khí Việt Nam	6,500,000	
3	Diệp Công Trứ	BR-VT	ĐH Dầu khí VN	6,500,000	
4	Ngô Trọng Nhân	BR-VT	ĐH Dầu khí VN	6,500,000	
5	Nguyễn Thị Thu An	BR-VT	ĐH Dầu khí VN	6,500,000	
6	Phạm Thị Linh Xuân	BR-VT	ĐH Dầu khí VN	6,500,000	
7	Nguyễn Duy Thanh	BR-VT	ĐH Dầu Khí Việt Nam	6,500,000	
8	Bùi Thị Tương	Huế	ĐH Y Dược Huế	5,733,000	
9	Y Bùi	Kon Tum	ĐH Đà Nẵng - Phân hiệu tại Kon Tum	5,579,000	
Tổng cộng				56,162,000	
Học kỳ II năm học 2018 - 2019 (đợt 13)					
1	Phan Thị Thúy Hằng	Hà Nội	HV Y Dược học Cổ truyền VN	5,900,000	PVCB số 33 ngày 16/5/2019
2	Nguyễn Thị Lam	Hà Nội	ĐH Kinh tế Quốc dân	6,500,000	
3	Hồ A Sánh	Hà Nội	ĐH Luật Hà Nội	3,000,000	
4	Lâu A Sô	Hà Nội	ĐH Sư Phạm Hà Nội	3,000,000	
5	Quang Thị Thanh Huyền	Hà Nội	ĐH Sư Phạm Hà Nội	3,000,000	
6	Đỗ Hồng Ngọc	Hà Nội	ĐHQG HN - Khoa Y Dược	3,250,000	
7	Nguyễn Thị Thái Hằng	Hà Nội	HV Quân Y	5,850,000	
8	Vũ Thị Ngoan	Hà Nội	ĐH Thương Mại	6,500,000	
9	Đào Thị Anh Thư	HCM	ĐH Công nghệ TP HCM	6,500,000	
10	Nguyễn Văn Việt	HCM	ĐHQG HCM	6,500,000	
11	Đặng Mỹ Nhi	HCM	ĐHQG HCM - ĐH KHTN	6,500,000	
12	Bàn Thị Huyền	Hà Nội	ĐH Luật Hà Nội	3,000,000	
13	Phạm Thị Hạnh	Huế	ĐH Huế - ĐH Khoa Du lịch	1,800,000	
14	Hoàng Nguyễn Quỳnh Như	HCM	ĐH Y Dược TPHCM	4,550,000	
15	Vũ Thị Yến	Hà Nội	ĐH Luật Hà Nội	8,160,000	
16	Nguyễn Thị Luyến	Hà Nội	ĐH Sư phạm Hà Nội	3,600,000	
17	Kiều Thị Bích Nguyệt	Hà Nội	HV Công nghệ Bưu chính Viễn thông	5,200,000	
Tổng cộng				82,810,000	
Học kỳ II năm học 2018 - 2019 (đợt 14)					
1	Đỗ Thị Thùy	HCM	ĐH Y Dược TP HCM	4,550,000	PVCB số 39 ngày 31/5/2019
2	Nguyễn Thị Tuyết	Thái Bình	ĐH Y Thái Bình	5,850,000	
3	Hoàng Minh Trí	Hà Nội	ĐH Bách khoa HN	6,500,000	
4	Lê Huỳnh Như	Đắk Lắk	ĐH Tây Nguyên	3,472,000	
5	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Hà Nội	ĐH Bách khoa HN	1,920,000	
6	Lê Thị Út Lan	Hà Nội	ĐH Kinh tế Quốc dân	3,900,000	
7	Nguyễn Thị Tươi	Hà Nội	ĐH Ngoại thương Hà Nội	6,500,000	
8	Nguyễn Mỹ Duyên	Huế	ĐH Y Dược Huế	2,700,000	

TT	HỌ VÀ TÊN	NƠI HỌC	TRƯỜNG ĐH	SỐ TIỀN TÀI TRỢ (VNĐ)	Thời gian & Chứng từ CK
A	B	C	D	E	F
9	Y Thùy Nhi	Kon Tum	ĐH Đà Nẵng - Phân hiệu tại Kon Tum	5,579,000	
	Tổng cộng			40,971,000	
	Học kỳ II năm học 2018 - 2019 (đợt 15)				
1	Võ Văn Thuận	HCM	ĐH Y Dược TP HCM	5,850,000	PVCB số 42 ngày 11/06/2019
2	Lê Thanh Truyền	HCM	ĐH Y Dược TP HCM	3,250,000	
3	Phan Kim Lân	HCM	ĐH Nông lâm TP HCM	6,500,000	
4	Nguyễn Quang Phúc	HCM	ĐHQG HCM - ĐH KHTN	3,250,000	
5	Đặng Thị Phương Anh	Thái Nguyên	ĐH Y Dược Thái Nguyên	5,107,200	
	Tổng cộng			23,957,200	
	Học kỳ II năm học 2018 - 2019 (đợt lẻ)				
1	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Nha Trang	ĐH Nha Trang	4,484,000	PVCB số 44 ngày 21/06/2019
2	Đậu Xuân Nguyên	Hà Nội	ĐH Y Hà Nội	5,850,000	
	Tổng cộng			10,334,000	
	Học kỳ I năm học 2019 -2020 (Đợt lẻ)				
1	Bùi Thị Nguyệt	Đà Nẵng	ĐH Đà Nẵng	5,200,000	PVCB số 47 ngày 19/7/2019
	Tổng cộng			5,200,000	
	Học kỳ II năm học 2018 - 2019 (đợt lẻ)				
1	Nguyễn Quốc Cường	HCM	ĐH Bách khoa TP HCM	6,400,000	PVCB số 52 ngày 19/8/2019
2	Trịnh Thị Mỹ Trinh	HCM	ĐH Nông Lâm TP. HCM	6,500,000	
	Tổng cộng			12,900,000	
	Học kỳ I năm học 2019 -2020 (Đợt 01)				
1	Lê Nhật Minh	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	6,500,000	PVCB số 59 ngày 17/9/2019
2	Neáng Ngọc Sang	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	3,000,000	
3	Phạm Ngọc Minh Trí	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	5,950,000	
4	Phạm Văn Tuấn	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	3,310,000	
5	Võ Thị Mộng Thi	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	5,200,000	
6	Phạm Văn Lực	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	6,500,000	
7	Trương Thị Bảo Ngọc	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	5,760,000	
8	Bùi Thị Cúc	Hà Nội	ĐHQG HN - ĐH KHXH&NV	3,000,000	
9	Đỗ Hồng Xuân	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	6,500,000	
10	Huỳnh Thị Anh Thư	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	5,760,000	
	Tổng cộng			51,480,000	
	Học kỳ I năm học 2019 -2020 (Đợt 02)				
1	Nguyễn Anh Tuấn	Đà Nẵng	ĐH Bách khoa Đà Nẵng	4,435,200	PVCB số 60 ngày 19/9/2019
2	Võ Nhật Thiện	Đà Nẵng	ĐH Bách khoa Đà Nẵng	4,333,000	
3	Bùi Văn Thịnh	Đà Nẵng	ĐH Đà Nẵng - ĐH Kiến trúc	6,500,000	
4	Nô Sa	An Giang	ĐH An Giang (SP)	3,000,000	
5	Đoàn Thị Năm	Đà Nẵng	ĐH Bách khoa Đà Nẵng	6,400,000	
6	Hồ Thị Thúy Mai	Đà Nẵng	ĐH Bách khoa Đà Nẵng	5,784,000	
7	Võ Chí Trung	Đà Nẵng	ĐH Bách khoa Đà Nẵng	2,700,000	
8	Hoàng Thị Hằng	Đà Nẵng	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	6,500,000	
9	Võ Thị Diễm	Đà Nẵng	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	6,500,000	
10	Nguyễn Thị Ánh	Đà Nẵng	ĐH Kỹ Thuật Y Dược Đà Nẵng	6,500,000	
11	Lưu Thị Sương	Đà Nẵng	ĐH Sư phạm Đà Nẵng	3,000,000	
12	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Hà Nội	ĐH Y Hà Nội	6,500,000	
13	Nguyễn Thị Thẩm	Hà Nội	HV Tài chính	5,420,000	
14	Nùng Thị Vượng	Thái Nguyên	ĐH Sư phạm Thái Nguyên	3,000,000	
15	Nguyễn Thị Trúc Ly	An Giang	ĐH An Giang (SP)	3,000,000	
16	Lê Đức Huy	Đà Nẵng	ĐH Bách khoa Đà Nẵng	2,592,500	
17	Bùi Thị Tú	Hà Nội	HV Tài chính	4,645,000	
18	Lê Thị Nhung	Hà Nội	HV Tài chính	4,645,000	
19	Nguyễn Thị Lan Anh	Hà Nội	HV Tài chính	4,882,400	
20	Nguyễn Thị Nguyên	Nam Định	ĐH Điều dưỡng Nam Định	6,500,000	
21	Hồ Sỹ Hoài	Đà Nẵng	ĐH Bách Khoa Đà Nẵng	6,382,000	
22	Nguyễn Thị Huế	Hà Nội	HV Tài Chính	6,340,000	

TT	HỌ VÀ TÊN	NƠI HỌC	TRƯỜNG ĐH	SỐ TIỀN TÀI TRỢ (VNĐ)	Thời gian & Chứng từ CK
A	B	C	D	E	F
23	Phan Lê Khánh Huyền	Hà Nội	HV Tài Chính	6,340,000	
	Tổng cộng			115,899,100	
	Học kỳ II năm học 2018 - 2019 (đợt lẻ)				
1	Vi Thị Yến	Hà Nội	HV Tòa Án	4,080,000	PVCB số 61 ngày 20/9/2019
2	Trần Minh Mẫn	Trà Vinh	ĐH Trà Vinh	6,500,000	
	Tổng cộng			10,580,000	
	Học kỳ I năm học 2019 -2020 (Đợt 03)				
1	Đoàn Thị Vân Khánh	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	PVCB số 66 ngày 02/10/2019
2	Văn Thị Hằng Mơ	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
3	Đậu Thị Hằng	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
4	Trương Thị Thiết	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
5	Nguyễn Thị Hoài Nam	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,135,000	
6	Nguyễn Văn An	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,135,000	
7	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	HCM	ĐH Sư phạm TP HCM	3,000,000	
8	Nguyễn Thị Tiệp	Huế	ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế	4,270,000	
9	Cao Thị Huế	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
10	Hồ Nhật Linh	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
11	Võ Thị Duyên	Quảng Bình	ĐH Quảng Bình (SP)	3,000,000	
12	Trần Thị Mỹ Châu	Quảng Ngãi	ĐH Tài chính Kế toán Quảng Ngãi	5,284,000	
13	Lê Thị Huyền	Hà Nội	ĐH Công đoàn	2,400,000	
14	Trần Mạnh Cường	Hà Nội	ĐH Dược Hà Nội	2,700,000	
15	Chu Thị Kim Soan	Hà Nội	HV Ngân hàng	6,500,000	
16	Nguyễn Văn Hoạt	Hà Nội	HV Ngân hàng	5,200,000	
17	Trần Thị Mai Phương	Hà Nội	HV Ngân hàng	4,800,000	
18	Phạm Thị Hạnh	Huế	ĐH Huế - ĐH Khoa Du lịch	2,400,000	
19	Võ Thị Thủy	Huế	ĐH Huế - ĐH Khoa Du lịch	6,500,000	
20	Hồ Thị Trang	Huế	ĐH Huế - ĐH Luật	3,000,000	
21	Ngô Thị Hồng Trinh	Huế	ĐH Huế - ĐH Sư phạm	3,000,000	
22	Lê Thị Mỹ Duyên	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
23	Nguyễn Mỹ Duyên	Huế	ĐH Y Dược Huế	3,000,000	
24	Nguyễn Thị Nữ	Huế	ĐH Y Dược Huế	5,850,000	
25	Nguyễn Trần Thúy Vi	An Giang	ĐH An Giang	3,000,000	
26	Phan Tuyết Cường	An Giang	ĐH An Giang	3,000,000	
27	Thái Loan Huệ Huyền	An Giang	ĐH An Giang	3,000,000	
28	Lã Thị Thu Hà	Hà Nội	ĐH Y Hà Nội	6,500,000	
29	Bùi Thị Bé	Huế	ĐH Kinh tế Huế	6,310,000	
30	Bùi Thị Tương	Huế	ĐH Y Dược Huế	5,850,000	
31	Đặng Thị Hồng Lam	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
32	Nguyễn Thị Hạnh	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
	Tổng cộng			159,334,000	
	Học kỳ I năm học 2019 -2020 (Đợt lẻ)				
1	Ngô Vũ Như Hiền	Đà Nẵng	ĐH kinh tế - ĐH Đà Nẵng	4,000,000	PVCB số 71 ngày 15/10/2019
	Tổng cộng			4,000,000	
	Học kỳ I năm học 2019 -2020 (Đợt 04)				
1	Lê Thị Thảo	Hà Nội	ĐH Bách khoa HN	6,500,000	PVCB số 72 ngày 16/10/2019
2	Đỗ Thu Huyền	Thái Nguyên	ĐH Thái Nguyên - ĐH Y Dược	6,500,000	
3	Nguyễn Thị Đức Hạnh	Hà Nội	ĐH Bách khoa Hà Nội	6,500,000	
4	Nguyễn Thị Thắm	Hà Nội	ĐH Bách khoa Hà Nội	6,500,000	
5	Nguyễn Tuấn Anh	Hà Nội	ĐH Bách khoa Hà Nội	5,850,000	
6	Nguyễn Văn Thuận	Hà Nội	ĐH Bách khoa Hà Nội	5,850,000	
7	Sùng Mí Nô	Hà Nội	ĐH Bách khoa Hà Nội	5,850,000	
8	Nguyễn Thị Lụa	Hà Nội	ĐH Kinh tế Quốc dân	6,175,000	
9	Đậu Xuân Nguyên	Hà Nội	ĐH Y Hà Nội	6,500,000	
10	Đặng Bá Dũng	Hà Nội	ĐH Bách khoa Hà Nội	6,500,000	
11	La Ngọc Kiên	Thái nguyên	ĐH Y Dược Thái Nguyên	3,250,000	
12	Phạm Thị Ngọc Ánh	Thái nguyên	ĐH Y Dược Thái Nguyên	6,500,000	
13	Phan Thị Lê Phúc	Thái Nguyên	ĐH Y Dược Thái Nguyên	6,500,000	

TT	HỌ VÀ TÊN	NƠI HỌC	TRƯỜNG ĐH	SỐ TIỀN TÀI TRỢ (VNĐ)	Thời gian & Chứng từ CK
A	B	C	D	E	F
14	Hòa Ngọc Phương	Hà Nội	ĐH Bách Khoa HN	4,550,000	
15	Nguyễn Thị Mai Liên	Hà Nội	ĐH Kinh tế Quốc dân	5,200,000	
16	Phạm Thị Lan	Hà Nội	ĐH Kinh tế Quốc dân	6,500,000	
17	Vũ Thị Ánh Ngọc	Hà Nội	ĐH Kinh tế Quốc dân	6,500,000	
18	Hoàng Thanh Trúc	Thái Nguyên	ĐH Thái Nguyên	5,800,000	
19	Hoàng Văn Thanh	Thái Nguyên	ĐH Thái Nguyên	6,296,200	
20	Đặng Thị Phương Anh	Thái Nguyên	ĐH Y Dược Thái Nguyên	5,850,000	
21	Lê Thùy Dương	Thái Nguyên	ĐH Y Dược Thái Nguyên	6,500,000	
	Tổng cộng			126,171,200	
	Học kỳ I năm học 2019 - 2020 (Đợt 05)				
1	Phạm Thị Tuyết	Thái Nguyên	ĐH Y Dược Thái Nguyên	6,500,000	PVCB số 73 ngày 22/10/2019
2	Lê Thị Hồng	Hà Nội	HV Nông nghiệp Việt Nam	3,000,000	
3	A Klürk	Kon Tum	ĐH Đà Nẵng - Phân hiệu tại Kon Tum	5,788,000	
4	Phạm Thị Thúy Hằng	Kon Tum	ĐH Đà Nẵng - Phân hiệu tại Kon Tum	3,992,000	
5	Võ Thị Kim Diệu	HCM	ĐH Bách khoa - ĐHQG HCM	5,850,000	
6	Đào Thu Vân	Hà Nội	ĐHQG HN - ĐH KHXH&NV	4,288,800	
7	Nguyễn Thị Khuyên	Hà Nội	ĐHQG HN - ĐH KHXH&NV	5,312,000	
8	Lưu Bạch Kim	Hà Nội	ĐHQG HN - ĐH KHXH&NV	5,190,400	
9	Nguyễn Thị Thu	Hà Nội	ĐHQG HN - ĐH KHXH&NV	5,900,000	
10	Nông Thị Hữu	Hà Nội	ĐHQG HN - ĐH KHXH&NV	3,000,000	
11	Phan Thị Nga	Hà Nội	ĐHQG HN - ĐH KHXH&NV	6,500,000	
12	Phùng Thị Yến Hoa	Hà Nội	ĐHQG HN - ĐH KHXH&NV	3,000,000	
13	Trần Thị Ly	Hà Nội	ĐHQG HN - ĐH KHXH&NV	6,145,000	
14	Kiều Thị Bích Nguyệt	Hà Nội	HV Công nghệ Bưu chính Viễn thông	3,900,000	
15	Y Búi	Kon Tum	ĐH Đà Nẵng - Phân hiệu tại Kon Tum	6,054,000	
16	Y Thùy Nhi	Kon Tum	ĐH Đà Nẵng - Phân hiệu tại Kon Tum	4,843,200	
	Tổng cộng			79,263,400	
	Học kỳ I năm học 2019 - 2020 (Đợt 06)				
1	Trần Ý Thương	Cần Thơ	ĐH Y Dược Cần Thơ	6,500,000	PVCB số 75 ngày 01/11/2019
2	Nguyễn Thị Hương	Vinh	ĐH Vinh	6,500,000	
3	Trương Hùng Anh	Đà Nẵng	ĐH Bách khoa Đà Nẵng	5,546,500	
4	Nguyễn Văn Bằng	Hà Nội	ĐH Công nghiệp HN	6,500,000	
5	Đỗ Thị Nhài	Hà Nội	ĐH Luật HN	6,320,000	
6	Trương Thị Hằng	Hà Nội	ĐH Thương Mại	5,960,000	
7	Vũ Thị Ngoan	Hà Nội	ĐH Thương Mại	5,960,000	
8	Mai Thị Mỹ Duyên	Cần Thơ	ĐH Y Dược Cần Thơ	6,500,000	
9	Trần Thế Vinh	Cần Thơ	ĐH Y Dược Cần Thơ	6,500,000	
10	Võ Thị Thanh Thư	Cần Thơ	ĐH Y dược Cần Thơ	6,500,000	
11	Lê Thị Kim Hạnh	Đà Nẵng	ĐH Kỹ thuật Y Dược Đà Nẵng	6,500,000	
12	Đào Thị Anh Thư	HCM	ĐH Công nghệ TP HCM	6,500,000	
13	Lê Thị Định	HCM	ĐH Kinh tế TP HCM	6,500,000	
14	Ngô Thị Linh	HCM	ĐH Kinh tế TP HCM	6,500,000	
15	Ngô Thị Thanh Bình	HCM	ĐH Kinh tế TP HCM	6,500,000	
16	Võ Tú Hào	HCM	ĐH Ngân hàng TP HCM	6,346,000	
17	Ngọc Minh Hiếu	HCM	ĐH Ngoại Thương TP HCM	5,200,000	
18	Nguyễn Doãn Tiến Đạt	HCM	ĐHQG HCM	6,500,000	
19	Nguyễn Văn Việt	HCM	ĐHQG HCM	3,900,000	
20	Đặng Mỹ Nhi	HCM	ĐHQG HCM - ĐH KHTN	6,430,000	
21	Nguyễn Hoa Mai	HCM	ĐHQG HCM - ĐH KHXH&NV	4,064,000	
22	Rcom H'Nghị	HCM	HV Hành chính Quốc gia HCM	2,400,000	
23	Bàn Thị Huyền	Hà Nội	ĐH Luật Hà Nội	3,000,000	
24	Phạm Thị Thu Thảo	HCM	ĐH Bách Khoa TPHCM	4,550,000	
25	Trần Thị Tuyết	HCM	ĐH Bách Khoa TPHCM	6,500,000	

TT	HỌ VÀ TÊN	NƠI HỌC	TRƯỜNG ĐH	SỐ TIỀN TÀI TRỢ (VNĐ)	Thời gian & Chứng từ CK
A	B	C	D	E	F
26	Hoàng Đình Thiên Đông	HCM	ĐH Giao Thông Vận Tải HCM	6,500,000	
27	Lê Thị Trang	HCM	ĐH Kinh tế Tp. HCM	6,500,000	
28	Ngô Kim Hòa	HCM	ĐH Kinh tế Tp. HCM	6,500,000	
29	Nguyễn Thị Hóa	HCM	ĐH Luật Tp. HCM	6,500,000	
30	Trần Thị Thanh Thương	HCM	ĐH Luật Tp. HCM	6,500,000	
31	Nguyễn Trát Đình Vỹ	HCM	ĐH Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM	6,500,000	
32	Phạm Minh Nhật	HCM	ĐH Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM	6,500,000	
33	Đặng Thị Ngọc Diệu	HCM	ĐH Y Dược TPHCM	4,550,000	
34	Hoàng Nguyễn Quỳnh Như	HCM	ĐH Y Dược TPHCM	4,550,000	
35	Nguyễn Thị Vân Hà	HCM	ĐH Y Dược TPHCM	5,850,000	
36	Võ Ngọc Mạnh	HCM	ĐH Y Dược TPHCM	6,500,000	
37	Trần Ngọc Yến Nhi	HCM	ĐHQG HCM - ĐH Công nghệ Thông tin	6,300,000	
38	Lê Tâm Như	HCM	ĐHQG HCM - ĐH KHXH&NV	4,800,000	
39	Trương Phi Tiến	HCM	ĐHQG HCM - Khoa Y	6,500,000	
40	Võ Thị Thùy Linh	Hà Nội	ĐH Ngoại Thương	6,500,000	
	Tổng cộng			235,226,500	
	Học kỳ I năm học 2019 - 2020 (Đợt 07)				
1	Nguyễn Văn Hà	Đà Nẵng	ĐH Bách khoa Đà Nẵng	4,330,000	PVCB số 76 ngày 05/11/2019
2	Lê Thị Hiền	Trà Vinh	ĐH Trà Vinh	6,500,000	
3	Lê Thanh Ân Phúc	HCM	ĐH Bách Khoa - ĐHQG HCM	5,220,000	
4	Nguyễn Hồng Đào	HCM	ĐH Bách Khoa - ĐHQG HCM	5,850,000	
5	Nguyễn Hữu Vương	HCM	ĐH Công nghiệp TP HCM	6,500,000	
6	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	HCM	ĐH Kinh tế Luật - ĐHQG HCM	3,000,000	
7	Trần Thị Tuyết Lan	HCM	ĐH Kinh tế TP HCM	6,500,000	
8	Lê Thị Thúy Phượng	HCM	ĐH Luật TP HCM	6,350,000	
9	Nguyễn Hà Diễm Trang	HCM	ĐH Luật TP HCM	6,350,000	
10	Nguyễn Thị Cao Xuyên	HCM	ĐH Luật TP HCM	6,350,000	
11	Phan Khánh Linh	HCM	ĐH Luật TP HCM	6,350,000	
12	Quách Thị Linh Chi	HCM	ĐH Luật TP HCM	5,080,000	
13	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	HCM	ĐH Nông lâm TP HCM	4,110,000	
14	Trịnh Thị Mỹ Trinh	HCM	ĐH Nông lâm TP HCM	6,024,000	
15	Hoàng Thị Hà	HCM	ĐH Sài Gòn	4,038,000	
16	Đào Văn Bằng	HCM	ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP HCM	2,700,000	
17	Nguyễn Phú Hiếu	HCM	ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP HCM	5,850,000	
18	Trịnh Thị Khanh	HCM	ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP HCM	4,996,000	
19	Huỳnh Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	HCM	ĐH Tài chính - Marketing	6,500,000	
20	Hoàng Thị Khuyên	Hà Nội	HV Hành chính QG	5,450,000	
21	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Huế	ĐH Y Dược Huế	5,850,000	
22	Võ Thị Nhất Lan	An Giang	ĐH An Giang	6,260,000	
23	Đoàn Thị Ánh Hồng	Đà Nẵng	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	6,500,000	
24	Hoàng Nguyễn Thực Linh	Đà Nẵng	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	3,900,000	
25	Trần Thị Phúc	Đà Nẵng	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	6,500,000	
26	Lương Ngọc Diệu	HCM	CĐ Kinh tế đối ngoại	6,150,000	
27	Dương Quốc Tuấn	Hà Nội	ĐHQG HN - ĐH KHXH&NV	2,850,000	
28	Nguyễn Thị Trinh	Huế	ĐH Huế	6,500,000	
29	Nguyễn Văn Nhân	Huế	ĐH Y Dược Huế	3,185,000	
30	Trương Thị Hằng	Huế	ĐH Y Dược Huế	3,000,000	
31	Vũ Thị Yến	Hà Nội	ĐH Luật Hà Nội	4,640,000	
32	Nguyễn Thị Thu Hiền	Huế	ĐH Y Dược Huế	5,850,000	
33	Trần Thị Hiền	Huế	ĐH Y Dược Huế	5,850,000	
	Tổng cộng			175,083,000	

TT	HỌ VÀ TÊN	NƠI HỌC	TRƯỜNG ĐH	SỐ TIỀN TÀI TRỢ (VNĐ)	Thời gian & Chứng từ CK
A	B	C	D	E	F
Học kỳ I năm học 2019 - 2020 (Đợt 08)					
1	Phan Thị Thúy Hằng	Hà Nội	HV Y Dược học Cổ truyền VN	6,175,000	PVCB số 87 ngày 18/11/2019
2	Nguyễn Thị Thanh Nga	Hà Nội	ĐH Dược Hà Nội	6,500,000	
3	Trần Thị Dung	Hà Nội	ĐH Dược Hà Nội	5,850,000	
4	Đoàn Thị Thơm	Hà Nội	ĐH Y Hà Nội	2,850,000	
5	Đỗ Hồng Ngọc	Hà Nội	ĐHQG HN - Khoa Y Dược	6,500,000	
6	Đỗ Văn Phong	Hà Nội	HV Nông nghiệp Việt Nam	3,705,000	
7	Lê Thị Ngọc Ánh	Hà Nội	ĐH Dược Hà Nội	3,250,000	
8	Nguyễn Thị Huyền	Hà Nội	ĐH Dược Hà Nội	3,250,000	
9	Nguyễn Thị Thúy Nga	Hà Nội	HV Tòa Án	5,450,000	
10	Nguyễn Thị Nguyệt	Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức	4,120,000	
11	Trần Văn Lương	Đà Nẵng	ĐH Ngoại Ngữ Đà Nẵng	5,680,000	
Tổng cộng				53,330,000	
Học kỳ I năm học 2019 - 2020 (Đợt 01) - tân sinh viên 2019					
1	Nguyễn Diệu Ái	HCM	ĐH Bách Khoa TP.HCM	5,000,000	PVCB số 95 ngày 28/11/2019
2	Nguyễn Ngọc Hiếu	HCM	ĐH Bách Khoa TP.HCM	3,730,000	
3	Nguyễn Thanh Thịnh	HCM	ĐH Bách Khoa TP.HCM	6,500,000	
4	Trần Triều Phi	HCM	ĐH Bách Khoa TP.HCM	5,000,000	
5	Nguyễn Thị Thanh Như	HCM	ĐH Kinh tế TP.HCM	6,500,000	
6	Huỳnh Thị Kim Nguyên	HCM	ĐH Mở TP. HCM	6,500,000	
7	Dương Tường Vy	HCM	ĐH Ngân hàng TP. HCM	6,500,000	
8	Lê Thị Minh Hiếu	HCM	ĐH Sư phạm Kỹ Thuật TP. HCM	6,500,000	
9	Nguyễn Tiến Hoàng Vũ	HCM	ĐH Sư phạm Kỹ Thuật TP. HCM	6,500,000	
10	Phan Thành Tín	HCM	ĐH Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM	6,500,000	
11	Đặng Nhật Nguyệt Như	HCM	ĐH Y Dược TP. HCM	6,500,000	
12	Đoàn Thái Thanh Thùy □	HCM	ĐH Y Dược TP. HCM	6,500,000	
13	Dương Nguyễn Tấn Vỹ □	HCM	ĐH Y Dược TP. HCM	6,500,000	
14	Mông Thị Yên	HCM	ĐH Y Dược TP. HCM	6,500,000	
15	Nguyễn Thị Tuyết Phượng	HCM	ĐH Y Dược TP. HCM	6,500,000	
16	Huỳnh Đoàn Diệu Huyền	HCM	ĐHQG TPHCM - ĐH KHXH&NV	6,400,000	
17	Phạm Trần Quốc Chiến □	HCM	ĐHQG TPHCM - ĐH KHXH&NV	6,400,000	
18	Huỳnh Lương Phương Trúc	HCM	ĐHQG TPHCM - ĐHKHTN	6,500,000	
19	Ngô Sĩ Hòa	HCM	HV Công nghệ Bưu chính Viễn thông	6,500,000	
20	Nguyễn Ngọc Quỳnh Lưu	Huế	ĐH Huế	5,200,000	
21	Lê Thị Ánh Nguyệt	Huế	ĐH Kinh tế Huế	5,660,000	
22	Võ Thị Thùy Trinh	Huế	ĐH Luật- ĐH Huế	5,425,000	
23	Huỳnh Khản Ngọc Bích	Huế	ĐH Ngoại Ngữ - ĐH Huế	4,570,000	
24	Võ Thị Quốc Khánh	Huế	ĐH Ngoại Ngữ - ĐH Huế	3,000,000	
25	Võ Thị Thùy Trang	Huế	ĐH Ngoại Ngữ - ĐH Huế	4,570,000	
26	Phạm Thị Thảo	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
27	Võ Thị Ngọc Ưu	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
28	Nguyễn Thị Nhân	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
29	Trần Thị Dung	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
Tổng cộng				171,955,000	
Học kỳ I năm học 2019 - 2020 (Đợt 09)					
1	Lê Huỳnh Như	Đắk Lắk	ĐH Tây Nguyên	6,500,000	
2	Nguyễn Thị Oanh	Hà Nội	ĐH Y Hà Nội	6,500,000	
3	Hồ Thị Mai Hương	HCM	ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP HCM	6,500,000	
4	Nguyễn Thị Tâm	Hà Nội	ĐH QGHN - Khoa Luật	5,450,000	
5	Trần Thị Phượng	Hà Nội	ĐH Văn hóa Hà Nội	3,690,000	
6	Phàn Thị Nga	Hà Nội	HV Quân Y (hệ dân sự)	6,500,000	

TT	HỌ VÀ TÊN	NƠI HỌC	TRƯỜNG ĐH	SỐ TIỀN TÀI TRỢ (VNĐ)	Thời gian & Chứng từ CK
A	B	C	D	E	F
7	Lê Thị Thúy	Hà Nội	ĐH Công nghiệp Hà Nội	6,500,000	PVCB số 99 ngày 06/12/2019
8	Hoàng A Thành	Hà Nội	ĐH Kiểm sát Hà Nội	3,000,000	
9	Trần Văn Trọng	Hà Nội	ĐH Kinh tế Quốc dân	3,000,000	
10	Nguyễn Thị Minh	Hà Nội	ĐHQG Hà Nội	4,825,000	
11	Nguyễn Thị Khuyên	Hà Nội	ĐHQG HN - ĐH KHXH&NV	823,500	
12	Đinh Thị Cúc	Quảng Ninh	ĐH Hạ Long	5,225,000	
13	Hoàng Văn Hùng	Hà Nội	ĐH Công nghiệp Việt-Hung	3,000,000	
14	Lê Thị Trang	Hà Nội	ĐHQG HN	5,533,000	
15	Nguyễn Văn Ninh	Hà Nội	ĐHQG HN	5,772,500	
16	Phạm Thị Ngọc Ánh	Hà Nội	ĐHQG HN	5,200,000	
17	Trần Thị Hoài Nhi	Hà Nội	ĐHQG HN	5,400,000	
	Tổng cộng			83,419,000	
	Học kỳ I năm học 2019 - 2020 (Đợt 02) - tân sinh viên 2019				
1	Hoàng Thị Hòa	Hà Nội	ĐH Bách Khoa Hà Nội	6,500,000	PVCB số 99 ngày 06/12/2019
2	Nguyễn Thị Trang	Hà Nội	ĐH Bách Khoa Hà Nội	6,500,000	
3	Phạm Quốc Bảo	Hà Nội	ĐH Bách Khoa Hà Nội	6,500,000	
4	Phạm Văn Dũng	Hà Nội	ĐH Bách Khoa Hà Nội	6,500,000	
5	Vi Đức Vượng	Hà Nội	ĐH Bách Khoa Hà Nội	3,000,000	
6	Phạm Sơn Lâm	Hà Nội	ĐH Công nghiệp HN	6,500,000	
7	Đoàn Bá Đức	Hà Nội	ĐH Dược Hà Nội	6,500,000	
8	Thò Bá Tính	Hà Nội	ĐH Dược Hà Nội	3,000,000	
9	Đào Thị Thương	Hà Nội	ĐH Ngoại Thương	6,500,000	
10	Nguyễn Thị Thủy Dung	Hà Nội	ĐH Xây Dựng	6,000,000	
11	Nguyễn Thị Thanh Trâm	Hà Nội	ĐHQGHN - ĐH KHXH&NV	4,375,975	
12	Võ Thị Hường	Hà Nội	ĐHQGHN - ĐH Ngoại ngữ	6,500,000	
13	Nguyễn Thị Huyền	Hà Nội	HV Ngân hàng	4,780,000	
14	Lương Thị Huế	Hà Nội	HV Tài Chính	5,768,000	
15	Lò Là Cáo	Hà Nội	HV Tòa Án	5,450,000	
16	Cao Thị Liên	Hà Nội	HV Y Dược học Cổ truyền VN	6,500,000	
	Tổng cộng			90,873,975	
	Học kỳ I năm học 2019 - 2020 (Đợt lẻ) - tân sinh viên 2019				
1	Trần Đình Lâm	HCM	ĐH Sài Gòn	5,486,000	PVCB số 102 ngày 12/12/2019
	Tổng cộng			5,486,000	
	Học kỳ I năm học 2019 - 2020 (Đợt lẻ)				
1	Nguyễn Thị Thu Hà	Hà Nội	ĐH Thương mại	4,000,000	PVCB số 104 ngày 23/12/2019
	Tổng cộng			4,000,000	
	Học kỳ I năm học 2019 - 2020 (Đợt 10)				
1	Nguyễn Thị Thái Hằng	Hà Nội	HV Quân Y	5,850,000	PVCB số 104 ngày 23/12/2019
2	Trần Hữu Thọ	HCM	ĐH Y Dược TP HCM	6,500,000	
3	Lê Thanh Truyền	HCM	ĐH Y Dược TP HCM	4,550,000	
4	Bùi Thị Thoại My	HCM	ĐH KHXH&NV - ĐHQG TPHCM	4,390,000	
5	Quách Thị Linh Chi	HCM	ĐH Luật TP HCM	1,270,000	
6	Phan Kim Lân	HCM	ĐH Nông lâm TP HCM	5,080,000	
7	Nguyễn Duy Thanh	BR-VT	ĐH Dầu Khí Việt Nam	6,500,000	
8	La Thị Tâm	Huế	ĐH Huế - ĐH Ngoại Ngữ	6,500,000	
	Tổng cộng			40,640,000	
	Học kỳ II năm học 2019 - 2020 (Đợt lẻ)				
1	Bùi Văn Thịnh	Đà Nẵng	ĐH Kiến trúc	6,500,000	PVCB số 106 ngày 26/12/2019
	Tổng cộng			6,500,000	
	Học kỳ I năm học 2019 - 2020 (Đợt 03) - tân sinh viên 2019				
1	Nguyễn Thị Huệ	An Giang	ĐH An Giang	6,500,000	
2	Đinh Chí Linh	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	4,640,000	
3	Lê Anh Khôi	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	5,704,000	

TT	HỌ VÀ TÊN	NƠI HỌC	TRƯỜNG ĐH	SỐ TIỀN TÀI TRỢ (VNĐ)	Thời gian & Chứng từ CK
A	B	C	D	E	F
4	Lê Huỳnh Kim Trọng	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	4,640,000	PVCB số 107 ngày 27/12/2019
5	Trần Duy Khang	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	4,660,000	
6	Võ Thị Anh Thư	Cần Thơ	ĐH Cần Thơ	5,870,000	
7	Đoàn Lê Phi Long	Cần Thơ	ĐH Y Dược Cần Thơ	6,500,000	
8	Hoàng Văn Quang	Đà Nẵng	ĐH Bách khoa ĐN	6,500,000	
9	Lưu Thị Thanh Hải	Đà Nẵng	ĐH Bách khoa ĐN	6,500,000	
10	Nguyễn Văn Lương	Đà Nẵng	ĐH Bách khoa ĐN	6,500,000	
11	Bùi Công Hải	Đà Nẵng	ĐH Kiến trúc Đà Nẵng	6,500,000	
12	Lê Thị Diệu Huyền	Đà Nẵng	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	6,500,000	
13	Ngô Thị Hoài Thương	Đà Nẵng	ĐH Kỹ thuật Y Dược Đà Nẵng	6,500,000	
14	Nguyễn Thị Ngân	Đà Nẵng	ĐH Kỹ thuật Y Dược Đà Nẵng	6,500,000	
15	Lương Thị Lệ Quyên	Đà Nẵng	ĐH Ngoại ngữ Đà Nẵng	6,500,000	
16	Hà Văn Tùng	Hà Nội	ĐH Dược Hà Nội	6,500,000	
17	Hoàng Thị Huyền	Hà Nội	ĐH Dược Hà Nội	6,500,000	
18	Ngô Duy Đoan	Hà Nội	ĐH Dược Hà Nội	6,500,000	
19	Đường Thị Hương	Hà Nội	HV Tài Chính	5,768,000	
20	Hoàng Thị Thanh Minh	Hà Nội	HV Tài Chính	5,768,000	
21	BHNUỐCH PỐLY	Huế	ĐH Huế	5,200,000	
22	Nguyễn Thị Bình	Huế	ĐH Y Dược Huế	6,500,000	
23	Nguyễn Văn Hiếu	Thái Nguyên	ĐH Thái Nguyên - ĐH Khoa học	5,560,000	
24	Triệu Văn Đông	Thái Nguyên	ĐH Thái Nguyên - ĐH KT Công nghiệp	6,500,000	
25	Nguyễn Thị Khánh Linh	Thái Bình	CĐ Y tế Thái Bình	6,500,000	
26	Vũ Thị Bích Liên	Thái Bình	CĐ Y tế Thái Bình	6,500,000	
27	Nguyễn Thị Kim Oanh	Thái Bình	ĐH Y Dược Thái Bình	6,500,000	
28	Trần Thị Phương	Vinh	ĐH Vinh	6,500,000	
29	Trần Văn Thơm	Vinh	ĐH Y khoa Vinh	6,500,000	
30	Lê Ngọc Phương	HCM	ĐH Kinh tế - Tài chính Tp. HCM	6,500,000	
	Tổng cộng			184,310,000	
	Học kỳ I năm học 2019 - 2020 (Đợt lẻ)				
1	Nguyễn Thị Luyến	Hà Nội	ĐH Sư phạm Hà Nội	5,760,000	PVCB số 109 ngày 31/12/2019
2	Nguyễn Thị Hương	Thái Bình	ĐH Y Dược Thái Bình	4,550,000	
	Tổng cộng			10,310,000	
			TỔNG CỘNG	3,097,127,774	

(Bằng chữ: Ba tỷ không trăm chín mươi bảy triệu một trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi tư đồng./.)

Phụ trách Kế toán

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Đã ký)

Đinh Thị Lan Anh

Ngày 10 tháng 02 năm 2020

P. Giám đốc Quỹ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Vân